

Số: /BC-UBND

Ba Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2022**

Để đánh giá tình hình thực hiện quyết toán Thu - Chi Ngân sách, Chương trình, Dự án, các chế độ chính sách thuộc nguồn Ngân sách Nhà nước năm 2022, UBND xã Ba Giang báo cáo kết quả thực hiện quyết toán Ngân sách Nhà nước với số liệu cụ thể như sau:

**I. Quyết toán thu Ngân sách:**

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		Tỷ lệ %	
		NSNN	NS xã hưởng	NSNN	NS xã hưởng	NS NN	NS xã hưởng
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN</b>	<b>47.000.000</b>	<b>23.000.000</b>	<b>71.185.217</b>	<b>20.728.650</b>	<b>151</b>	<b>90</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>	<b>58.372.537</b>	<b>16.560.000</b>	<b>365</b>	<b>104</b>
-	Phí, lệ phí	11.000.000	11.000.000	52.481.340	10.714.000	477	97
+	<i>Lệ phí chứng thực và công chứng</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3000000</i>	<i>7.121.000</i>	<i>7.121.000</i>	<b>237</b>	<b>237</b>
+	<i>Các loại phí khác</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8000000</i>	<i>45.360.340</i>	<i>3593000</i>	<b>567</b>	<b>45</b>
-	Thu khác	5.000.000	5.000.000	5.891.197	5.846.000	<b>118</b>	<b>117</b>
+	Thu phạt	5.000.000	5.000.000	5.846.000	5.846.000	<b>117</b>	<b>117</b>
+	<i>Các khoản thu khác còn lại</i>			<i>45.197</i>			
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phải phân chia theo tỷ lệ phần trăm</b>	<b>31.000.000</b>	<b>7.000.000</b>	<b>12.812.680</b>	<b>4.168.650</b>	<b>41</b>	<b>60</b>
-	Thuế thu nhập cá nhân	11.000.000		1.983.000		<b>18</b>	
-	Thuế tài nguyên			4.545.600	2.272.800		
-	Thuế GTGT	20.000.000	7.000.000	6.284.080	1.895.850	<b>31</b>	<b>27</b>
<b>B</b>	<b>Thu chuyển giao Ngân sách</b>	<b>4.797.000.000</b>	<b>4.797.000.000</b>	<b>8.147.307.000</b>	<b>8.147.307.000</b>	<b>170</b>	<b>170</b>
-	Thu bổ sung cân đối	4.623.000.000	4.623.000.000	4.623.000.000	4.623.000.000	<b>100</b>	<b>100</b>
-	Thu bổ sung có mục tiêu	174.000.000	174.000.000	3.524.307.000	3.524.307.000	<b>2.025</b>	<b>2.025</b>
<b>C</b>	<b>Thu chuyển nguồn Ngân sách năm trước</b>						
<b>D</b>	<b>Thu kết dư Ngân sách</b>			<b>832.493.146</b>	<b>832.493.146</b>		
	<b>Tổng thu</b>	<b>4.844.000.000</b>	<b>4.820.000.000</b>	<b>9.050.985.363</b>	<b>9.000.528.796</b>	<b>187</b>	<b>187</b>

- Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn: Dự toán huyện giao: 47 triệu đồng; Số thu đạt được: 71,185 triệu đồng, vượt dự toán 151,46%, tăng so với dự toán huyện và HĐND xã giao 24,185 triệu đồng.

- Thu cân đối Ngân sách xã: Dự toán huyện giao 4.820 triệu đồng, số thu đạt 9.000,528 triệu đồng, tăng so với dự toán đầu năm là 4.180,528 triệu đồng, tăng 86,73% (bao gồm thu bổ sung từ Ngân sách huyện, thu kết dư), cụ thể:

+ Thu Ngân sách trên địa bàn xã hưởng: Dự toán huyện giao 23 triệu đồng, số thu được 20,728 triệu đồng, hụt thu 2,271 triệu đồng.

+ Thu bổ sung cân đối: Dự toán huyện giao 4.623 triệu đồng, số thu được 4.623 triệu đồng. Đạt 100%.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: Dự toán huyện giao 174 triệu đồng, số thu được 3.524,307 triệu đồng, tăng dự toán so với đầu năm 3.350,307 trđ, tăng 1.925,46%.

## II. Quyết toán chi Ngân sách Nhà nước:

TT	Nội dung chi	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)	
		Tổng số	Đầu tư PT	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư PT	Thường xuyên	Tổng số	Thường xuyên
<b>I</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>4.820.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.820.000.000</b>	<b>8.658.092.398</b>	<b>749.464.000</b>	<b>7.908.628.398</b>	<b>180</b>	<b>164</b>
1	Chi Quân sự	125.050.000		125.050.000	167.162.457		167.162.457	134	134
2	Chi Công an	143.200.000		143.200.000	146.215.000		146.215.000	102	102
3	SN VH-TT	48.000.000		48.000.000	47.810.000		47.810.000	100	100
4	SN Đài Phát thanh	11.000.000		11.000.000	11.000.000		11.000.000	100	100
5	SN TD-TT	13.000.000		13.000.000	62.950.000		62.950.000	484	484
6	Chi bảo vệ môi trường	13.000.000		13.000.000	10.850.000		10.850.000	83	83
7	SN Giao thông	90.000.000		90.000.000	1.468.742.000	749.464.000	719.278.000	1.632	799
8	SN Nông lâm	55.000.000		55.000.000	-		0	-	-
9	Chi Bảo vệ rừng	39.000.000		39.000.000	83.880.000		83.880.000	215	215
10	Chi UBND	2.512.794.000		2.512.794.000	2.542.520.113		2.542.520.113	101	101
11	Chi HĐND	160.460.000		160.460.000	204.360.000		204.360.000	127	127
12	Chi Đảng ủy	477.096.000		477.096.000	532.316.725		532.316.725	112	112
13	Chi UBMT TQVN	180.000.000		180.000.000	211.270.872		211.270.872	117	117

14	Chi Đoàn TN	142.600.000		142.600.000	175.213.838		175.213.838	<b>123</b>	<b>123</b>
15	Chi HLHPN	153.400.000		153.400.000	170.437.146		170.437.146	<b>111</b>	<b>111</b>
16	Chi HCCB	165.000.000		165.000.000	181.818.082		181.818.082	<b>110</b>	<b>110</b>
17	Chi HND	167.400.000		167.400.000	198.918.019		198.918.019	<b>119</b>	<b>119</b>
18	Trợ cấp hưu xã	23.000.000		23.000.000	22.752.000		22.752.000	<b>99</b>	<b>99</b>
19	Công tác viên Dân số	4.000.000		4.000.000	4.000.000		4.000.000	<b>100</b>	<b>100</b>
20	Chi chúc thọ, mừng thọ	5.000.000		5.000.000	3.000.000		3.000.000	<b>60</b>	<b>60</b>
21	Chi sự nghiệp Nông thôn mới	-		-	12.000.000		12.000.000		
22	Nộp trả Ngân sách cấp trên	-			679.493.146		679.493.146		
23	Dự phòng chi	96.000.000		96.000.000	-				
24	Tiết kiệm chi 10%	196.000.000		196.000.000	-				
25	Chi chuyển nguồn năm sau	-			1.721.383.000		1.721.383.000		

*Trong đó: Chủ yếu chi lương, chi bổ sung có mục tiêu và kinh phí hoạt động thường xuyên.*

- Chi thường xuyên: Dự toán huyện giao 4.820 triệu đồng, dự toán HĐND xã giao lại 4.820 triệu đồng. Số chi trong năm 8.658,092 triệu đồng, số thẩm định 8.658,092 triệu đồng, tăng so với dự toán đầu năm 3.838,092 triệu đồng, tăng 79,63%.

- Chi nộp Ngân sách cấp trên: Dự toán huyện giao: 0; Số thực tế nộp trả: 679.493,146 triệu đồng. Cụ thể:

*DVT: Đồng*

STT	Nội dung	Số tiền cần nộp trả	Số tiền đã nộp trả	Số còn lại cần nộp trả
	<b>Tổng số</b>	<b>780.602.000</b>	<b>679.493.146</b>	<b>101.108.854</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2022</b>	<b>131.779.000</b>	<b>30.670.146</b>	101.108.854
-	70% thực hiện cải cách tiền lương năm 2020	127.579.000	26.470.146	101.108.854
-	70% thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu năm 2021	4.200.000	4.200.000	0

<b>2</b>	<b>Kinh phí hết nhu cầu chi, nộp trả Ngân sách cấp trên</b>	<b>627.353.000</b>	<b>627.353.000</b>	<b>0</b>
-	Kinh phí xác định giảm do thực hiện NĐ 34	190.000.000	190.000.000	0
-	Kinh phí bán chuyên trách theo QĐ 26	437.353.000	437.353.000	0
<b>3</b>	<b>Kinh phí mục tiêu hết nhiệm vụ chi</b>	<b>21.470.000</b>	<b>21.470.000</b>	<b>0</b>
-	Kinh phí hoạt động của ban thanh tra nhân dân theo TT63	5.000.000	5.000.000	0
-	Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc và GDTE ở thôn	4.000.000	4.000.000	0
-	Kinh phí chúc thọ các cụ cao tuổi	4.260.000	4.260.000	0
-	Kinh phí ngăn chặn tình trạng phá rừng	180.000	180.000	0
-	Chương trình xây dựng NTM	8.030.000	8.030.000	0

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.721.383 triệu đồng. Cụ thể:

*ĐVT: triệu đồng*

Danh mục kinh phí	Năm 2021 chuyển sang	Kinh phí cấp năm 2022	Kinh phí sử dụng năm 2022 được quyết toán	Kinh phí được chuyển nguồn sang năm 2023	Kinh phí còn thừa phải nộp trả
2	3	4	5	6	7=(3+4)-(5+6)
<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>	-	<b>3.966,307</b>	<b>2.211,132</b>	<b>1.721,383</b>	<b>33,792</b>
<b>KP giao trong cân đối</b>	-	<b>442,000</b>	<b>415,498</b>	-	<b>26,502</b>
KP bán chuyên trách (QĐ 20)		442,000	415,498		26,502
<b>KP mục tiêu</b>	-	<b>3.524,307</b>	<b>1.795,634</b>	<b>1.721,383</b>	<b>7,290</b>
Kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW		56,000	56,000		-
Kinh phí cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND		4,000	4,000		-
Kinh phí chúc thọ		3,000	3,000		-
Kinh phí hỗ trợ hoạt động Ban Thanh tra nhân dân theo Quyết định 76/2017/QĐ-UBND		5,000	4,240		0,760
Kinh phí cho Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết 16/2021/NQ-HĐND		67,000	67,000		-

Kinh phí hỗ trợ cho Ngân sách cấp xã tổ chức bảo vệ rừng theo Quyết định 02/QĐ-UBND		39,000	38,880		0,120
Kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em, người dân điều trị Covid-19, cách ly Y tế trên địa bàn huyện		47,800	47,800		-
Kinh phí sửa chữa cầu treo Nước Lô đi Gò Khôn (Vốn NS huyện)		500,000	493,590		6,410
Kinh phí thực hiện Nghị quyết 39/2021/NQ-HĐND		191,207	183,660	7,547	-
Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (đầu tư xây dựng)		1.843,300	749,464	1.093,836	-
Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)		19,000	12,000	7,000	
Kinh phí Chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS&MN		749,000	136,000	613,000	

**\* Chênh lệch thu chi Ngân sách xã: 342.436.398 đồng.**

*Trong đó:*

- Kinh phí mục tiêu hết nhiệm vụ chi phải nộp trả Ngân sách cấp trên: 33.792.000 đồng.

- Nguồn tiết kiệm chi 10% cải cách tiền lương theo dõi tại Ngân sách xã: 196.000.000 đồng.

- Nguồn Cải cách tiền lương từ năm 2021 về trước tiếp tục nộp trả Ngân sách huyện: 101.108.854 đồng.

**\* Tổng kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023: 11.535.544 đồng**

- Trích 70% CCTL năm 2023: 8.000.000 đồng.

- Trích 30% kết dư NS xã: 3.535.544 đồng.

### **III. Các hoạt động chi khác**

#### **1. Quỹ công chuyên dung trên địa bàn xã**

STT	QUỸ	THU	CHI	Tồn đầu kỳ	Tồn cuối kỳ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.335.000</b>	<b>31.503.000</b>	<b>120.210.000</b>	<b>124.042.000</b>
1	Quỹ người cao tuổi	3.798.000	-	4.353.000	8.151.000

2	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.555.000	6.283.000	1.728.000	-
3	Quỹ Hội CTĐ	3.801.000	2.000.000	17.889.000	19.690.000
4	Quỹ vì người nghèo	11.778.000	21.700.000	26.645.000	16.723.000
5	Quỹ Khuyến học	3.801.000	1.520.000	9.833.000	12.114.000
6	Quỹ chất độc da cam	3.801.000	-	27.592.000	31.393.000
7	Quỹ quốc phòng			8.345.000	8.345.000
8	Quỹ phòng chống thiên tai			566.000	566.000
9	Quỹ khuyết tật	3.801.000	-	23.259.000	27.060.000

Nhìn chung tình hình thu chi các khoản quỹ công chuyên dùng trên địa bàn xã tương đối tốt.

## **2. Chi tiền điện hộ nghèo:**

- Tổng chi tiền điện hộ nghèo và hộ BTXH trong năm 2022: 173.415.000 đồng. Đã thực hiện quyết toán năm 2022 với Phòng LĐTĐ & XH huyện T5/2023.

## **IV. Các chương trình Dự án:**

### **1. Công trình khởi công mới**

#### **1.1 Vốn Ngân sách huyện**

Năm 2022, UBND xã Ba Giang được giao vốn đầu tư công Ngân sách huyện cho 01 công trình khởi công mới: BTXM tuyến nhà ông Phạm Văn Nía, Tổ 1 - đi Gò Khôn, xã Ba Giang.

- Ngày khởi công: 29/3/2022.

- Ngày hoàn thành: 07/6/2022.

UBND xã tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình ngày 24/10/2022, gửi hồ sơ và tờ trình số 61/TT-UBND ngày 23/11/2022 đề Nghị quyết toán Dự án hoàn thành về Phòng TC - KH huyện.

- Tổng kế hoạch vốn năm 2022 được phân khai: 160.000.000 đồng.

- Tổng số vốn lũy kế thanh toán từ đầu năm đến nay: 160.000.000 đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được phân khai, cụ thể:

+ Chi phí thiết kế: 61.701.000 đồng;

+ Chi phí bảo hiểm công trình: 2.731.000 đồng;

+ Lệ phí thẩm định BC KTKT: 1.668.000 đồng;

+ Tạm ứng chi phí xây lắp: 93.900.000 đồng.

## **1.2 Vốn Chương trình MTQG XD NTM**

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 29/8/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 nguồn vốn Ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Theo đó, UBND xã căn cứ quy hoạch, định hướng, nhu cầu, chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, mức vốn bố trí tại các Quyết định và khả năng đối ứng Ngân sách xã, thống nhất lựa chọn danh mục Dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, cụ thể:

- Nối tiếp đường UBND xã đi Nhà Văn hoá thôn Gò Khôn (Làng Chai đi Gò Khôn lớn), với tổng mức đầu tư: 1.100 triệu đồng (*NSTW: 1.000 triệu đồng, NSDP đối ứng: 100 triệu đồng*).

+ Tổng kế hoạch vốn năm 2022 được phân khai: 1.000.000.000 đồng, trong đó: kế hoạch vốn đã nhập Tabmis: 1.000.000.000 đồng.

+ Tổng số vốn lũy kế thanh toán (*tạm ứng*) đến nay: 287.722.000 đồng, đạt 28,77% kế hoạch vốn đã nhập Tabmis và đạt 28,77% kế hoạch vốn được phân khai

- Nâng cấp BTXM tại Làng Dốc - Gò Khôn, với tổng mức đầu tư: 927,63 triệu đồng (*NSTW: 843,3 triệu đồng, NSDP đối ứng: 84,33 triệu đồng*).

+ Tổng kế hoạch vốn năm 2022 được phân khai: 843.300.000 đồng, trong đó: kế hoạch vốn đã nhập Tabmis: 843.300.000 đồng.

+ Tổng số vốn lũy kế thanh toán (*tạm ứng*) đến nay: 240.450.000 đồng, đạt 28,51% kế hoạch vốn đã nhập Tabmis và đạt 28,51% kế hoạch vốn được phân khai.

Hiện nay, cả 02 công trình đều đã được khởi công từ tháng 10/2022 và đang tiến hành thi công, tuy nhiên vì nguồn vốn phân bổ về chậm, dẫn đến thời gian làm công trình rơi vào mùa mưa lũ, quá trình thi công luôn bị gián đoạn vì mưa lớn kéo dài, lại hay xảy ra sạt lở khiến cho quá trình thi công gặp rất nhiều khó khăn.

## **2. Công trình duy tu, sửa chữa**

Năm 2022, trên địa bàn xã có 02 công trình duy tu, sửa chữa, cụ thể:

+ Công trình: Sửa chữa công trình cầu treo Nước Lô đi Gò Khôn, xã Ba Giang được UBND huyện phân bổ kinh phí từ nguồn vượt thu, kết dư Ngân sách cấp huyện hưởng năm 2021 chuyển sang năm 2022 (*đợt 2*) tại Quyết định 583/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 với tổng vốn 500 triệu đồng. Công trình đã hoàn thành thi công và bàn giao đưa vào sử dụng vào ngày 14/12/2022.

+ Công trình: Nâng cấp tuyến đường BTXM Nước Lô - Gò Khôn (Đoạn qua cầu treo: Km00 + 956,15m), Hạng mục: duy tu, bảo dưỡng. được UBND huyện phân bổ kinh phí từ nguồn vốn Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 4 kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Hiện nay, công trình đang dần hoàn thiện, dự kiến sẽ tiến hành nghiệm thu trong tháng 12/2022.

### **3. Chương trình Dự án vốn chi thường xuyên Ngân sách xã:**

#### **3.1. Chương trình Dự án sự nghiệp giao thông thuộc nguồn vốn Ngân sách xã:**

- Tên công trình: Khắc phục sạt lở đường từ nhà ông Phạm Văn Bảy đi NVH thôn Gò Khôn.

- Hạng mục: Đổ đất cát khắc phục sạt lở.
- Tổng dự toán đầu năm: 86.000.000 đồng.
- Tổng kinh phí phê duyệt: 85.731.000 đồng.
- Đơn vị thi công: Công ty TNHH MTV XD Ba Tư.
- Tiến độ thi công: đã thi công hoàn thành.
- Tiến độ giải ngân: đã giải ngân 85.730.000 đồng, đạt 99,9% KHV giao.

#### **3.2. Chương trình, Dự án sự nghiệp PT Nông lâm nghiệp thuộc nguồn vốn Ngân sách xã năm 2022:**

- Tên mô hình: Mô hình trồng cây dổi.
- Tổng dự toán đầu năm: 45.000.000 đồng.
- Tổng kinh phí phê duyệt: 45.000.000 đồng.
- Đơn vị cung ứng giống: Công ty TNHH MTV Nông Phú An.
- Tiến độ thực hiện: đã thực hiện cung ứng và trồng cây.
- Tiến độ giải ngân: Giải ngân 45.000.000đ đạt 100% KVH giao.

### **V. Quyết toán kinh phí chuyển nguồn và kết dư nguồn Ngân sách Nhà nước năm 2021 sang 2022**

- 1. Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 1.721.383 đồng.**
- 2. Kinh phí kết dư năm 2022 sang năm 2023: 3.535.544 đồng.**
- 3. Kinh phí kết dư hoạt động tài chính khác: 124.042.000 đồng.**

Trên đây là Báo cáo Quyết toán ngân sách xã Ba Giang năm 2022. UBND xã Ba Giang kính báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các Ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Lưu VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thật**